

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/KDTM-ST
Ngày: 12-11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây;
- Ông Nguyễn Văn Thảo.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thuý Trang* - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp* - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 125/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2024; giữa:

- *Nguyên đơn: Công ty P; địa chỉ: Thửa đất số 1034, 447, tờ bản đồ số 47, đường Khánh Bình 59, khu phố Đ, phường B, thành phố U, tỉnh Bình Dương.*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Hoàng Th, sinh năm 1987; địa chỉ: 569 Đại lộ Bình Dương, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 14/6/2024)); có mặt.

- *Bị đơn: Công ty C; địa chỉ: Lô A5, đường số 1, Cụm Công nghiệp U, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: P – Chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Vũ Hoàng Thơm trình bày:

Ngày 01/9/2020, Công ty TNHH P (gọi tắt Công ty P) và Công ty TNHH C (gọi tắt Công ty C) ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/2020/TTP-T; theo đó Công ty P cung cấp cho Công ty C các loại bao bì carton căn cứ vào mẫu mã và đơn đặt hàng của Công ty C; chủng loại và chất lượng hàng hoá được căn cứ vào mẫu đối chứng đã được duyệt và đơn đặt hàng của Công ty C; đơn đặt hàng được lập thành văn bản và gửi cho Công ty P bằng đường bưu điện, fax, e-mail hoặc trực tiếp. Giá cả ổn định trong thời gian nhất định tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên. Đối chiếu và khoá sổ vào ngày 31 hàng tháng, Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty P trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT. Nếu đến hạn mà Công ty C không thanh toán thì phải chịu lãi suất theo quy định.

Hai Công ty hợp tác mua bán hàng hoá được một thời gian thì Công ty C bắt đầu chậm thanh toán tiền mua hàng của Công ty P. Cụ thể, chậm thanh toán các hoá đơn giá trị gia tăng số 0001237 ngày 30/7/2021, hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021, hoá đơn số 0001635 ngày 30/11/2021 và hoá đơn số 102 ngày 29/6/2022. Tổng giá trị của 04 hoá đơn là 799.000.852 đồng. Sau đó, Công ty C có thanh toán một phần tiền hàng của hoá đơn số 0001237 ngày 30/7/2021 và còn nợ là 702.176.786 đồng.

Công ty P đã tổng hợp và gửi văn bản yêu cầu Cam kết thanh toán tiền hàng đối với 04 hoá đơn nêu trên, Công ty C đã ký, đóng dấu xác nhận khoản nợ; theo đó Công ty P yêu cầu Công ty C thanh toán tiền hàng như sau: Tháng 4/2024, thanh toán hoá đơn số 0001237 ngày 30/7/2021 và một phần hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021 với số tiền 300.000.000 đồng; tháng 5/2024, thanh toán phần còn lại của hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021, hoá đơn số 0001635 ngày 30/11/2021 và hoá đơn số 102 ngày 29/6/2022.

Vào ngày 23/4/2024, Công ty C đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty P số tiền 300.000.000 đồng; số tiền còn lại 402.176.786 đồng thì không tiếp tục thanh toán như đã cam kết.

Do đó, Công ty P đã khởi kiện đến Toà án yêu cầu giải quyết như sau: Buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P tổng số tiền là 504.731.865 đồng (năm trăm linh bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng); trong đó:

- + Tiền nợ gốc là 402.176.786 đồng;
- + Tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tạm tính kể từ ngày 29/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 70.380.937 đồng;
- + Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm là 32.174.142 đồng.

Vào ngày 04/7/2024, trong quá trình Tòa án đang giải quyết thì Công ty C đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty P tiền nợ gốc là 402.176.786 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P các khoản tiền gồm:

1. Tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 30/8/2022 (thời điểm chậm thanh toán hoá đơn cuối cùng số 102 ngày 29/6/2022) đến ngày 04/7/2024 (thời điểm Công ty C thanh toán tiền nợ gốc) là: $402.176.786 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 674 \text{ ngày} = 74.264.974 \text{ đồng}$;

2. Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm là: $8\% \times 402.176.786 \text{ đồng} = 32.174.142 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P là 106.439.116 đồng (Một trăm linh sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH C theo đúng quy định pháp luật nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 1527/ĐKKD ngày 16/8/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH C, mã số doanh nghiệp 3702346974, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2015; đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18/01/2024; địa chỉ trụ sở chính tại: Lô A5, đường số 1, Cụm Công nghiệp Uyên Hưng, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Pan Hao Howard – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động. Hiện tại, Phòng đăng ký kinh doanh chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đối với thời gian chậm trả 42 ngày của số tiền 402.176.786 đồng theo Cam kết thanh toán tiền hàng là: $402.176.786 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 42 \text{ ngày} = 9.255.575 \text{ đồng}$; các yêu cầu khác của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán tiền liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty C có trụ sở hoạt động tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty P yêu cầu bị đơn Công ty C có nghĩa vụ thanh toán: tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 30/8/2022 (thời điểm chậm thanh toán hoá đơn cuối cùng số 102 ngày 29/6/2022) đến ngày 04/7/2024 (thời điểm Công ty C thanh toán tiền nợ gốc 402.176.786 đồng) là 74.264.974 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng do thanh toán không đúng hạn với mức là 8% giá trị chậm thanh toán (của tiền nợ gốc 402.176.786 đồng) là 32.174.142 đồng. Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 106.439.116 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Công ty P và Công ty C có ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/2020/TTP-T ngày 01/9/2020; theo đó Công ty P cung cấp cho Công ty C các loại bao bì carton căn cứ vào mẫu mã và đơn đặt hàng của Công ty C; chủng loại và chất lượng hàng hoá được căn cứ vào mẫu đối chứng đã được duyệt và đơn đặt hàng của Công ty C; đơn đặt hàng được lập thành văn bản và gửi cho Công ty P bằng đường bưu điện, fax, e-mail hoặc trực tiếp. Giá cả ổn định trong thời gian nhất định tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên. Đối chiếu và khoá sổ vào ngày 31 hàng tháng, Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty P trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn giá trị gia tăng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán cho nguyên đơn đối với các hóa đơn giá trị gia tăng số 0001237 ngày 30/7/2021, hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021, hoá đơn số 0001635 ngày 30/11/2021 và hoá đơn số 102 ngày 29/6/2022. Tổng giá trị của 04 hoá đơn yêu cầu thanh toán là 799.000.852 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn một phần của hoá đơn số 0001237 ngày 30/7/2021 nên bị đơn còn nợ 702.176.786 đồng. Sau đó, giữa hai Công ty đã thống nhất cùng ký kết văn bản Cam kết thanh toán tiền hàng (bút lục 16 - không ghi ngày, tháng, năm). Nội dung văn bản thể hiện:

“Bên A (bị đơn) cam kết thực hiện tiến độ thanh toán tiền hàng cho bên B (nguyên đơn) như sau:

Từ ngày 15-25/4/2024, thanh toán hoá đơn số 0001237 ngày 30/7/2021 và một phần hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021 với số tiền 300.000.000 đồng;

Từ ngày 15-25/5/2024, thanh toán hoá đơn số 0001529 ngày 30/10/2021, hoá đơn số 0001635 ngày 30/11/2021 và hoá đơn số 102 ngày 29/6/2022 với số tiền 402.176.786 đồng.

Cam kết: Bên A cam kết thực hiện thanh toán đúng theo tiến độ đã thỏa thuận bên trên. Trường hợp bên A không thực hiện đúng cam kết, bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ lãi phí phát sinh 0,5%/ ngày trên tổng số nợ, đồng thời phải chịu các khoản phí phát sinh liên quan nếu xảy ra tranh chấp ...”.

Như vậy, việc hai Công ty ký kết văn bản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật nên có tính ràng buộc các bên thực hiện.

Sau khi hai bên ký kết văn bản Cam kết thì đến ngày 23/4/2024, bị đơn Công ty C đã chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn Công ty P số tiền 299.901.033 đồng (bút lục 25). Đến ngày 04/7/2024, bị đơn Công ty C tiếp tục chuyển khoản thanh toán cho Công ty P số tiền 402.176.786 đồng (bút lục 48). Như vậy, việc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 402.176.786 đồng vào ngày 04/7/2024 là trễ so với nội dung Cam kết là 42 ngày. Đối chiếu với thỏa thuận nêu trên thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh cho nguyên đơn của những ngày chậm thanh toán đối với số tiền 402.176.786 đồng. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận tiền lãi phát sinh 0,5%/ngày là vượt quá theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tiền lãi chậm trả là 20%/năm, cụ thể là: 402.176.786 đồng x 20%/năm x 42 ngày = 9.255.575 đồng.

[4] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận một phần; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng 8% giá trị phần nghĩa vụ.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P đối với bị đơn Công ty C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

2. Buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P số tiền lãi chậm thanh toán là 9.255.575 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P về việc buộc bị đơn Công ty C thanh toán tiền lãi chậm trả 65.009.399 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm linh chín nghìn ba trăm chín mươi chín đồng) và tiền phạt do vi phạm hợp đồng 8% giá trị phần nghĩa vụ là 32.174.142 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

4. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty P phải chịu 4.859.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 12.094.500 đồng (Mười hai triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000122 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Công ty P được nhận lại số tiền 7.235.500 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Công ty C phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê